

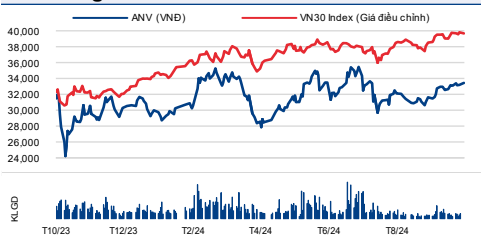
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ37,300
Tiềm năng tăng/giảm: 11.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/10/2024)	33,450
Mã Bloomberg	ANV.VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	24,236-35,467
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	33,317
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	4,467
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	177
Sig CP lưu hành (tr.đv)	134
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	65.4
Sig CP NN được mua (tr.đv)	64.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	1.01%
Tỷ lệ freefloat	33.2%
Cổ đông lớn	Đoàn Tới (53.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	4,439	4,499	5,804
EBITDA đc (tỷ đồng)	316	409	592
LNTT (tỷ đồng)	64.5	180	315
LNT ĐC (tỷ đồng)	39.2	153	267
FCF (tỷ đồng)	(126)	239	(457)
EPS ĐC (đồng)	304	1,148	2,003
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000
BVPS (đồng)	21,326	21,470	22,465
T.trưởng EBITDA (%)	(68.6)	29.8	44.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	(94.3)	278	74.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.11	9.10	10.2
Tỷ suất LNTT (%)	1.45	4.01	5.42
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.88	3.41	4.61
Tỷ lệ LN trả CT (%)	329	87.1	49.9
Nợ thuần/VCSH (%)	66.7	44.6	56.3
ROAE (%)	1.37	5.36	9.12
ROACE (%)	6.63	8.55	13.6
EV/doanh thu (lần)	1.42	1.27	1.06
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.9	14.0	10.4
P/E ĐC (lần)	110	29.1	16.7
P/B (lần)	1.57	1.56	1.49
Lợi suất cổ tức (%)	2.99	2.99	2.99

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

ANV là nhà xuất khẩu cá tra lớn thứ ba Việt Nam. Công ty sở hữu một chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất TA cho cá đến nuôi cá và chế biến cá tra. ANV hiện tự sản xuất 100% cả nguyên liệu cho chế biến.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2024: Doanh thu và tỷ suất lợi nhuận gộp tiếp tục tăng

- Doanh thu thuần Q3/2024 tăng 22% so với cùng kỳ đạt 1.341 tỷ đồng, nhờ sản lượng xuất khẩu tăng 24,8% so với cùng kỳ. Trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng mạnh 25,8 lần lên 28 tỷ đồng, nhờ doanh thu tăng và tỷ suất lợi nhuận gộp mở rộng.
- Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 3.550 tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ và sát với dự báo của HSC. Trong khi đó, lợi nhuận thuần đạt 42 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ và hoàn thành chỉ 27,7% dự báo của chúng tôi, chủ yếu do các khoản lỗ khác ngoài dự kiến và chi phí vận chuyển cao hơn dự kiến.
- ANV đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 18,2 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 26,3 lần. Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

ANV công bố KQKD Q3/2024 tích cực, với doanh thu thuần đạt 1.341 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần đạt 28 tỷ đồng, tăng mạnh 25,8 lần so với cùng kỳ từ mức nền thấp của Q3/2023. Doanh thu tăng chủ yếu nhờ doanh thu xuất khẩu tăng 22%, trong khi lợi nhuận tăng là nhờ doanh thu tăng và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 3.550 tỷ đồng, tăng 6,7% so với cùng kỳ và lợi nhuận thuần đạt 42 tỷ đồng, không đổi so với 9 tháng đầu năm 2023. Doanh thu thuần đạt được bằng 79% dự báo cho cả năm của HSC và sát với dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần thấp hơn 80% so với dự báo cho 9 tháng đầu năm 2024 của HSC ở mức 76 tỷ đồng và chỉ hoàn thành 27,7% dự báo cho cả năm của chúng tôi, do chi phí vận chuyển cao hơn dự báo và các khoản lỗ khác ngoài dự kiến. Loại trừ các khoản lỗ khác, lợi nhuận thuần HĐKD thấp hơn 15% so với dự báo cho 9 tháng đầu năm của chúng tôi và hoàn thành 56,2% dự báo cho cả năm của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024, ANV

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,099	1,341	22.0%	3,328	3,550	6.7%
Giá vốn hàng bán	1,014	1,168	15.2%	2,992	3,129	4.6%
Lợi nhuận gộp	85	173	103.6%	336	422	25.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	7.7%	12.9%		10.1%	11.9%	
Lợi nhuận tài chính	(28)	(26)	-7.3%	(94)	(62)	-34.2%
Chi phí QL&BH	(54)	(102)	90.6%	(193)	(250)	29.8%
Chi phí QL&BH / Doanh thu (%)	4.9%	7.6%		5.8%	7.0%	
Thu nhập thuần khác	4	(8)		15	(43)	
LNTT	7	37	423.0%	63	65	2.2%
Lợi nhuận thuần	1	28	2583.0%	42	42	0.3%

Nguồn: ANV

Sản lượng xuất khẩu tăng nhưng giá bán bình quân phục hồi kém hơn kỳ vọng

Trong Q3/2024, kim ngạch xuất khẩu đạt mức ấn tượng 909 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ, nhờ sản lượng tiêu thụ tăng mạnh. Theo dữ liệu từ Agromonitor, sản lượng xuất khẩu của ANV trong Q3/2024 đạt 17.100 tấn, tăng 24,8% so với cùng kỳ, trong khi giá xuất khẩu bình quân ước tính đạt 1,8 USD/kg, giảm nhẹ 6,6% so với cùng kỳ. Đáng lưu ý, kết quả trên cho thấy sự cải thiện từ mức giảm 13,6% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2024 trong khi vẫn thấp hơn 17% so với dự báo của chúng tôi ở mức 2,1 USD/kg.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, tổng doanh thu xuất khẩu của ANV đạt 2.185 tỷ đồng, tăng khiêm tốn 0,5% so với cùng kỳ. Sản lượng xuất khẩu đạt 43.210 tấn, tăng 9,7% so với cùng kỳ, trong khi giá xuất khẩu bình quân ở mức 1,9 USD/kg, giảm 8,4% so với cùng kỳ và thấp hơn 5% so với dự báo của HSC ở mức 2 USD/kg.

KQKD trái chiều tại các thị trường chính

Theo dữ liệu từ Agromonitor, doanh thu xuất khẩu của ANV sang thị trường Trung Quốc, thị trường lớn nhất của Công ty trong Q3/2024, đạt 10,1 triệu USD, tăng nhẹ 3,4% so với cùng kỳ. Doanh thu xuất khẩu sang Trung Quốc đóng góp 32,9% tổng doanh thu xuất khẩu của ANV trong Q3/2024, giảm từ mức đóng góp 37,2% trong Q3/2023.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 26,9 triệu USD, giảm 18,4% so với cùng kỳ, bằng 32,7% tổng doanh thu xuất khẩu của Công ty trong giai đoạn này, và thấp hơn mức đóng góp 40,3% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Trong Q3/2024, doanh thu xuất khẩu sang khu vực ASEAN và Nam Mỹ đạt lần lượt 4,5 triệu USD và 3,1 triệu USD, giảm mạnh 32,2% và 28,2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu xuất khẩu sang khu vực ASEAN và Nam Mỹ tăng lên 20,9 triệu USD và 13,1 triệu USD, tăng 52,3% và 11,5% so với cùng kỳ.

Trái lại, doanh thu xuất khẩu của ANV sang EU và Mỹ tăng mạnh. Xuất khẩu sang EU trong Q3/2024 đạt 4,3 triệu USD, tăng mạnh 265,3% so với cùng kỳ, trong khi xuất khẩu sang Mỹ đạt 8,4 triệu USD, tăng 25,6% so với cùng kỳ.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu sang EU đạt 9,1 triệu USD, tăng mạnh 23,7% so với cùng kỳ, trong khi xuất khẩu sang Mỹ đạt 8,4 triệu USD, tăng 26,7% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận tăng mạnh

Trong Q3/2024, lợi nhuận gộp tăng mạnh 103,6% lên 173 tỷ đồng nhờ doanh thu tăng mạnh và tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện lên 12,9% từ mức 7,7% trong Q3/2023.

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện là nhờ sản lượng xuất khẩu tăng mạnh 24,8% so với cùng kỳ, cùng với chi phí nuôi thấp khi giá thức ăn chăn nuôi giảm khoảng 13% so với cùng kỳ.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, tỷ suất lợi nhuận gộp cho thấy sự cải thiện đáng kể, tăng lên 11,7% từ 10,1% cùng kỳ năm 2023.

Tuy nhiên, chi phí bán hàng và các khoản lỗ khác tăng

Tỷ lệ chi phí bán hàng và quản lý/doanh thu tăng mạnh

Trong Q3/2024, chi phí bán hàng tăng mạnh 118,5% so với cùng kỳ đạt 8 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí vận chuyển tăng 203% so với cùng kỳ lên 59 tỷ đồng do xung đột ở khu vực Trung Đông. Chi phí thuê ngoài cũng tăng 47,8% so với cùng kỳ lên 13,6 tỷ đồng. Trong khi đó, chi phí quản lý tăng 24,8% so với cùng kỳ lên 20,1 tỷ đồng. Nhìn chung, chi phí bán hàng & quản lý tăng 90,6% so với

cùng kỳ đạt 102 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu ở mức 7,6% so với mức 4,9% trong Q3/2023.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu đạt 7%, cao hơn mức 5,8% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Các khoản lỗ khác ở mức 7,6 tỷ đồng

Trong Q3/2024, các chi phí khác được ghi nhận ở mức 10,9 tỷ đồng, tăng từ mức 0,2 tỷ đồng trong Q3/2023, chủ yếu do tiền phạt 2,6 tỷ đồng chậm đóng thuế ở công ty con và 7,3 tỷ đồng tiền lãi phạt chậm nộp thuế. Kết quả là, các khoản lỗ khác được ghi nhận ở mức 7,6 tỷ đồng, từ các khoản lợi nhuận khác 3,6 tỷ đồng trong Q3/2023.

Chúng tôi lưu ý rằng, BCTC sau kiểm toán cho nửa đầu năm 2024 của ANV cũng ghi nhận khoản lỗ khác ở mức 36 tỷ đồng so với lỗ khác ở mức 13 tỷ đồng trong BCTC chưa kiểm toán, cho thấy mức tăng 23 tỷ đồng. Nguyên nhân là do yêu cầu của cơ quan thuế về việc hoàn trả các khoản ưu đãi đầu tư của một công ty con vào năm 2020.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, các khoản lỗ khác được ghi nhận ở mức 43,4 tỷ đồng so với các khoản lợi nhuận khác 15 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2023.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Trong 3 quý vừa qua, HĐKD cốt lõi của ANV có sự cải thiện đáng kể và khá tốt nếu loại trừ các khoản lỗ thuần không thường xuyên khác và chi phí vận chuyển cao trong 9 tháng đầu năm 2024. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 37.300đ.

ANV đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 18,2 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 26,3 lần.

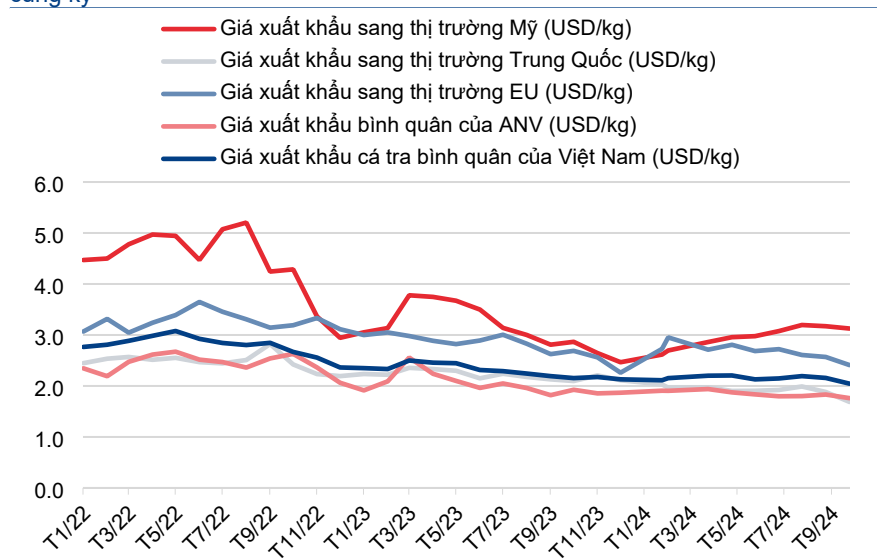
Bảng 2: Cơ cấu xuất khẩu Q3/2024 & 9 tháng đầu năm 2024, ANV

	Q3/23	Q3/24	% sv cùng kỳ	9T2023	9T2024	% sv cùng kỳ
KNXK (triệu USD)	26.4	30.8	16.6%	81.84	82.21	0.5%
Sản lượng xuất khẩu (nghìn tấn)	13.7	17.1	24.8%	39.39	43.21	9.7%
Giá xuất khẩu bình quân (USD/kg)	1.9	1.8	-6.6%	2.08	1.90	-8.4%

Nguồn: Agromonitor

Biểu đồ 3: Giá xuất khẩu cá tra sang các thị trường khác nhau, Việt Nam & ANV

Giá xuất khẩu bình quân của ANV trong Q3/2024 là 1,8 USD/kg, giảm 6,6% so với cùng kỳ



Nguồn: Agromonitor

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	4,897	4,439	4,499	5,804	6,042
Lợi nhuận gộp	1,336	447	581	786	901
Chi phí BH&QL	(472)	(264)	(310)	(360)	(375)
Thu nhập khác	19.1	17.7	(12.0)	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	882	201	259	426	526
Lãi vay thuần	(108)	(132)	(78.9)	(112)	(115)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(0.05)	(4.02)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	774	64.5	180	315	410
Chi phí thuế TNDN	(100.0)	(25.3)	(27.1)	(47.2)	(61.6)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	674	39.2	153	267	349
Lợi nhuận thuần ĐC	674	39.2	153	267	349
EBITDA ĐC	1,004	316	409	592	685
EPS (đồng)	5,283	304	1,148	2,003	2,613
EPS ĐC (đồng)	5,283	304	1,148	2,003	2,613
DPS (đồng)	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	128	129	134	134	134
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	128	134	134	134	134
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	128	134	134	134	134

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	31.1	39.7	105	41.4	26.2
Đầu tư ngắn hạn	358	71.9	0	0	0
Phải thu khách hàng	435	369	447	546	539
Hàng tồn kho	2,333	2,347	2,271	2,772	2,734
Các tài sản ngắn hạn khác	98.4	123	102	138	148
Tổng tài sản ngắn hạn	3,255	2,951	2,924	3,497	3,447
TSCĐ hữu hình	1,392	1,243	1,333	1,346	1,329
TSCĐ vô hình	352	346	327	307	287
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	7.15	6.84	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	69.0	65.0	11.3	11.3	11.3
Tài sản dài hạn khác	392	501	155	179	180
Tổng tài sản dài hạn	2,213	2,162	1,827	1,843	1,807
Tổng cộng tài sản	5,468	5,113	4,751	5,340	5,255
Nợ ngắn hạn	1,769	1,784	1,169	1,519	1,269
Phả trả người bán	277	173	246	308	287
Nợ ngắn hạn khác	236	108	198	219	206
Tổng nợ ngắn hạn	2,418	2,103	1,695	2,151	1,852
Nợ dài hạn	153	145	188	188	188
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0.09	0.92	0.92	0.92	0.92
Nợ dài hạn khác	15.1	15.9	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	168	162	189	189	189
Tổng nợ phải trả	2,585	2,265	1,884	2,340	2,041
Vốn chủ sở hữu	2,882	2,848	2,867	3,000	3,214
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,882	2,848	2,867	3,000	3,214
Tổng nợ phải trả và VCSH	5,468	5,113	4,751	5,340	5,255
BVPS (đ)	22,598	21,326	21,470	22,465	24,065
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,891	1,889	1,253	1,666	1,431

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	882	201	259	426	526
Khấu hao	(121)	(115)	(150)	(166)	(160)
Lãi vay thuần	(108)	(132)	(78.9)	(112)	(115)
Thuế TNDN đã nộp	(100.0)	(25.3)	(27.1)	(47.2)	(61.6)
Thay đổi vốn lưu động	(631)	(124)	240	(540)	(18.2)
Khác	102	(115)	(84.2)	(191)	(176)
LCT thuần từ HKKD	266	(81.7)	459	(298)	315
Đầu tư TS dài hạn	(275)	(44.3)	(221)	(159)	(123)
Góp vốn & đầu tư	(1,217)	(217)	0	0	0
Thanh lý	53.7	150	0	0	0
Khác	1,496	528	35.2	59.9	58.6
LCT thuần từ HĐĐT	57.0	416	(186)	(99.1)	(63.9)
Cổ tức trả cho CSH	(157)	(219)	(134)	(134)	(134)
Thu từ phát hành CP	0	60.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(119)	(40.2)	(75.5)	468	(132)
Khác	(57.2)	(127)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(334)	(326)	(209)	334	(266)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	42.7	31.1	39.7	105	41.4
LCT thuần trong kỳ	(10.9)	8.67	64.9	(63.1)	(15.2)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.72)	(0.05)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	31.1	39.7	105	41.4	26.2
Dòng tiền tự do	(9.47)	(126)	239	(457)	192

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.3	10.1	12.9	13.5	14.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.5	7.11	9.10	10.2	11.3
Tỷ suất LNT (%)	13.8	0.88	3.41	4.61	5.77
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.9	39.2	15.0	15.0	15.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	40.1	(9.34)	1.34	29.0	4.11
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	188	(68.6)	29.8	44.5	15.8
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	423	(94.2)	291	74.5	30.5
Tăng trưởng EPS (%)	423	(94.3)	278	74.5	30.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	423	(94.3)	278	74.5	30.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	18.9	329	87.1	49.9	38.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	25.8	1.37	5.36	9.12	11.2
ROACE (%)	31.5	6.63	8.55	13.6	15.9
Vòng quay tài sản (lần)	0.95	0.84	0.91	1.15	1.14
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.30	(0.41)	1.77	(0.70)	0.60
Số ngày tồn kho	239	215	212	202	194
Số ngày phải thu	44.5	33.8	41.6	39.7	38.2
Số ngày phải trả	28.4	15.9	22.9	22.4	20.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	66.2	66.7	44.6	56.3	45.3
Nợ/tài sản (%)	35.5	37.9	29.1	32.4	28.2
EBIT/lãi vay (lần)	8.13	1.52	3.29	3.82	4.56
Nợ/EBITDA (lần)	1.93	6.14	3.38	2.92	2.16
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.35	1.40	1.73	1.63	1.86
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.18	1.42	1.27	1.06	0.98
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.78	19.9	14.0	10.4	8.61
P/E (lần)	6.33	110	29.1	16.7	12.8
P/E ĐC (lần)	6.33	110	29.1	16.7	12.8
P/B (lần)	1.48	1.57	1.56	1.49	1.39
Lợi suất cổ tức (%)	2.99	2.99	2.99	2.99	2.99

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn